

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Bích Loan

2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Long- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 22/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thùy T**, sinh năm 1996; Địa chỉ: **Ấp D, xã L, huyện B, tỉnh Long An.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn T1**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.**

(Bà **T** yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông **T1** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Bùi Thị Thùy T** trình bày: Bà **Bùi Thị Thùy T** và ông **Nguyễn Tấn T1** quen biết, kết hôn từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại **UBND xã L** theo giấy đăng ký kết hôn số 48/2016 ngày 10/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hiện nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, bà **T** và ông **T1** đã không còn chung sống cách đây 06 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà **T** yêu cầu được

ly hôn với ông T1. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Tấn P, sinh ngày 10/2/2016; Hiện con chung đang ở với bà T, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T1 không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà, các giấy báo phiên tòa nhưng ông T1 vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Bùi Thị Thùy T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Tấn T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Bùi Thị Thùy T thấy rằng: Bà Bùi Thị Thùy T và ông Nguyễn Tấn T1 xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2016 ngày 10/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, bà T và ông T1 không còn sống chung nhà 06 năm. Bà T xác định không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T1. Ông T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có phương án hàn gắn tình cảm. Có cơ sở cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ly hôn.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Tấn P, sinh ngày 10/2/2016; Hiện con chung đang ở với bà T, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Huỳnh Tấn P cũng có mong muốn được ở với mẹ, ông T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của

cháu **P**, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu **P** cho bà **T** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **T** không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **T** và ông **T1** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà **Bùi Thị Thùy T** phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà **T** đã nộp theo biên lai thu số 0007356 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà **T** đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Bùi Thị Thùy T** đối với bị đơn ông **Nguyễn Tấn T1**.

Về hôn nhân: Bà **Bùi Thị Thùy T** được ly hôn với ông **Nguyễn Tấn T1**.

Về con chung: Giao cho bà **Bùi Thị Thùy T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Nguyễn Huỳnh Tấn P**, sinh ngày 10/2/2016. Ông **Nguyễn Tấn T1** không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà **Bùi Thị Thùy T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007356 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà **Bùi Thị Thùy T** đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Long Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lệ Thu**